

ĐẤT NƯỚC - NHÂN VẬT

GÓP PHẦN TÌM HIỂU VỀ LỄ THÀNH HẦU NGUYỄN HỮU CẢNH

Đinh Văn Tuấn*

Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Kính (1650-1700) - xưa nay họ tên ông vẫn lưu truyền phổ biến là Nguyễn Hữu Cảnh - là một kiệt tướng đời chúa Minh Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), là con thứ của danh tướng Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật và là em của Hào Lương hầu Nguyễn Hữu Hào (tác giả truyện Nôm *Song tinh bất dục*). Nguyễn Hữu Cảnh là người có công khai phá, mở cõi phương nam và bình định Chân Lạp. Mùa xuân năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phúc Chu sai ông làm Thống suất vào kinh lược Chân Lạp, lấy đất Đông Phố đặt phủ Gia Định, chia vạch ranh giới, lấy Đồng Nai làm huyện Phước Long, lập dinh Trấn Biên, lấy Sài Gòn làm huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn. Mở đất được ngàn dặm, dân hơn bốn vạn hộ, bèn chiêu mộ lưu dân từ Bố Chính trở về nam tới ở, thiết lập xã thôn phường ấp, khẩn đất hoang, định tô thuế, lập sổ đinh. Mùa thu năm Kỷ Mão (1699) vua nước Chân Lạp là Nặc Thu làm phản, chúa lại hạ lệnh cử Trấn thủ Bình Khương Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm chức Thống binh cùng Phó tướng Phạm Cẩm Long, Tham tướng Nguyễn Hữu Khánh đem quân sĩ từ dinh Bình Khương, cho dong 7 thuyền chiến thuộc binh của Quảng Nam vào Trấn Biên, hợp cùng tướng Trần Thượng Xuyên lo việc trấn vệ biên cương. Mùa xuân năm Canh Thìn (1700) đánh bức lũy Nam Vang và Bích Đồi. Nặc Yêm, Nặc Thu xin hàng. Sau chiến thắng, Nguyễn Hữu Cảnh kéo quân về cù lao Cây Sao rồi đột nhiên bị bệnh nặng, về tới Rạch Gầm thì chết, năm ấy 51 tuổi. Chúa Nguyễn phong tặng là Hiệp Tán Công Thần Đặc Tiến Chưởng Dinh, thụy là Trung Cẩn, ban cho vàng lụa để hậu táng. Năm Gia Long thứ 4 (1805) tặng là Tuyền Lực Công Thần Đặc Tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân, Cẩm Y Vệ Đô Chỉ Huy Sứ Ty Đô Chỉ Huy Sứ, Đô Đốc Phủ Chưởng Phủ Sự Phó Tướng Chưởng Cơ, liệt vào hàng Thượng đẳng thần. Minh Mạng thứ 12 (1831) tặng Thần Cơ Dinh Đô Thống Chế, Vĩnh An Hầu. Các triều đại đều có sắc phong Thượng đẳng thần: Gia Long năm thứ 4 (1805), Minh Mạng năm thứ 3 (1822), Thiệu Trị năm thứ 3 (1843), Tự Đức năm thứ 5 (1852).

Các sách báo viết về thân thế và sự nghiệp của Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh từ trước đến nay đều dựa vào thư tịch xưa để tham khảo, nói chung đại cương giống như trên. Tuy nhiên vì các tài liệu xưa không phải là nhất quán, lối ghi chép đại lược có khi tối nghĩa nên đã để lại những khúc mắc mà cho đến nay vẫn chưa được các nhà nghiên cứu sử học nhất trí, giải quyết thấu đáo. Bài viết này là một cố gắng tìm hiểu thêm với hy vọng làm sáng tỏ một số vấn đề liên quan đến Nguyễn Hữu Cảnh.

* Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1. Tên thật của Nguyễn Hữu Cảnh

Hầu như các sách sử địa, gia phả xưa đều ghi tên Lê Thành hầu là Nguyễn Hữu Kính 阮有鏡. Nhưng vì theo tục kỵ húy, người xưa đọc trại âm kính thành kiến (giọng miền Nam đọc là kiếng như *tám kiếng*). Âm kiến = kính đã từng được Huỳnh Tịnh Paulus Của ghi nhận trong *Đại Nam quốc âm tự vị* (ĐNQÁTV) [3] ở mục từ 鏡 kiến (kính) như *kiến soi, chiếu kiến, kiến hiển vi...*, cũng có khi kính thành kính, trong sách *Tóm lại về sự tích các đời vua nước Annam*,⁽¹⁾ Trương Vĩnh Ký đã viết Kính thay cho Kính ở các tên gọi như Mạc Kính Cung (Mạc Kính Cung), Mạc Kính Khoan (Mạc Kính Khoan), Mạc Kính Vũ (Mạc Kính Vũ) và còn đọc chệch thành *cảnh* (theo biến âm: inh = anh và đổi thanh). Trong *Đại tự điển chữ Nôm* [18], Vũ Văn Kính đã từng ghi nhận âm cảnh được viết là 鏡 (âm Hán-Việt là kính). Nhưng một số nhà nghiên cứu lại nhận định khá rắc rối, mơ hồ về cách đọc húy chẳng hạn như Nguyễn Ngọc Hiền lý giải: “Ông tên thật là Nguyễn Hữu Thành húy Kính (Cảnh)... phần đông người Việt hay kiêng tên húy. Do đó Kính được đọc chệch ra là Cảnh. Về sau nhân dân miền Nam quá trọng vọng ông, họ đã tự động húy cả hai tên: Kính gọi là Kiến hoặc Kiếng, Cảnh gọi là Kiếng... mãi khi ông mất rồi, người đời sau chép tiểu sử mới dám viết rõ tên ông là Nguyễn Hữu Cảnh. Còn tên húy là Kính chỉ được nêu ở quê hương Quảng Bình” [7]⁽²⁾ hay Nguyễn Hữu Hiệp⁽³⁾ cho rằng: “Nguyễn Hữu Cảnh nguyên danh Nguyễn Hữu Lễ, lại có tên là Nguyễn Hữu Kính. Người miền Nam hiểu Kính và Kinh cùng nghĩa, nên đã gọi kiêng (lần 1) tên Kính là Kinh, rồi gọi trại (lần 2) Kinh thành Kiếng, sau lại do hiểu rằng Kiếng và Cảnh cũng cùng một nghĩa nên gọi trại (lần 3) là Cảnh - Nguyễn Hữu Cảnh”. Thật ra *kiếng* không phải là đọc trại từ *kính* hay từ *kính* ra *cảnh* rồi từ *cảnh* mới thành *kiếng*. Nguyên nhân của *cảnh* = *kiếng* chính là do cách đọc tên húy của Đông Cung Thái tử Nguyễn Phúc Cảnh 阮福景 (1780-1801), chứ không liên quan gì đến “kính”. Ở Sài Gòn có đình Tân Kiếng chính âm là Tân Cảnh, vì kỵ húy Nguyễn Phúc Cảnh nên *Cảnh* đọc trại là *Kiếng* [2]. Âm *kiếng* = *cảnh* cũng được ĐNQÁTV ghi nhận. Vậy từ tên húy Kính dân gian đã đọc ra các âm: *kiến* (*kiếng*), *kính* và *cảnh*. Đặc biệt là âm Cảnh chỉ dành riêng cho tên húy Kính của Lê Thành hầu chứ chưa thấy tài liệu nào ghi nhận là *kiến* (*kiếng*), *kính*. Ngày nay ở miền Nam, cách gọi Nguyễn Hữu Cảnh thay cho Nguyễn Hữu Kính đã trở thành thông dụng dù truyền thống kỵ húy đã bị mai một và rất ít người gọi đúng tên là Kính tuy một vài dịch giả, sử gia cũng dùng.

Từ hai trích dẫn trên, các tác giả lại có mâu thuẫn về tên gọi: Nguyễn Hữu Thành và Nguyễn Hữu Lễ. Nguyễn Ngọc Hiền dựa vào gia phả họ Nguyễn Hữu nên tin rằng “tên thật là Nguyễn Hữu Thành húy Kính”. Tên Thành chưa thấy ở tài liệu nào khác ngoài tộc phả Nguyễn Hữu vậy mà Nguyễn Ngọc Hiền đã đi đến khẳng định: “Ông được chúa ban tước hầu đặt là Lê Tài hầu, Lê Thành hầu; đây là lần đầu tiên thấy tên Thành của Nguyễn Hữu Cảnh được chúa lấy đặt tước là Lê Thành hầu”. Nhưng theo truyền thống, trong tước hiệu hầu thì chữ đầu tiên thường là tên của người được ban tước chẳng hạn như Hào Lương hầu, Hào là tên của Nguyễn Hữu Hào; Thoại Ngọc hầu, Thoại là tên của Nguyễn Văn Thoại hoặc là 2 chữ gồm tên đệm và tên chính như Vạn Long hầu, Vạn Long là tên của Mai Vạn Long; Thăng Long hầu, Thăng Long là tên của Nguyễn Thăng Long. Ngoài ra chữ thứ 2 có thể là một mỹ tự như Cốc Tài hầu

(Tôn Thất Cốc) [1]. Do đó cách hiểu của Nguyễn Ngọc Hiền là một ngộ nhận. Ngoài tước hiệu Lễ Thành hầu, *Đại Nam thực lục (ĐNTL)* [11] còn ghi nhận thêm Lễ Tài hầu hay Lễ Hòa hầu, vậy chữ thứ hai (Thành, Tài, Hòa) trong tước hiệu này có lẽ chỉ là một mỹ tự vua ban hay do lầm lẫn nào đó mà thôi. Từ đó ta có thể nhận định: Lễ (trong Lễ Thành hầu) mới chính là tên khác của Nguyễn Hữu Kính (Cảnh). Lễ là tên gọi thường dùng của ông còn Kính là tên húy, truyền thuyết ở Quảng Bình vẫn kể về Cậu Lễ tức là Nguyễn Hữu Kính (Cảnh) [7]. Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí (GĐTTC)* [16] đã từng ghi nhận Lễ Thành hầu họ Nguyễn và có tên là Nguyễn Phúc Lễ hay chỗ khác là Nguyễn Lễ, rất có thể họ Trịnh đã sơ suất hay có lý do nào đó mà ta chưa biết, vì lẽ ra họ tên của ông phải là Nguyễn Hữu Lễ (dòng họ Nguyễn Hữu) mới đúng. Ngoài ra ông còn được gọi là Lễ Công (Ông Lễ) như sông Lễ Công hay bãi Lễ Công, đền Lễ Công. Họ Trịnh cũng đã giải thích: “Việc lấy tên của ông đem đặt tên sông là muốn người sau muôn đời không quên ơn đức của ông vậy”. Như thế cái tên Thành của Nguyễn Hữu Cảnh do gia phả ghi chép cũng có thể là một tên khác của ông (cần phải thẩm định lại) nhưng dù sao trong sách sử của Sử quán triều Nguyễn, vẫn viết là Nguyễn Hữu Kính, Lễ Thành hầu, Lễ Công, Nguyễn (Phúc) Lễ.

2. Địa danh Ngư Khê và lũy Hoa Phong

Tháng 7 năm 1699, Nặc Thu nước Chân Lạp làm phản, đắp các lũy Bích Đồi, Nam Vang và Cầu Nam (Nôm), cướp bóc dân buôn. Tướng Long Môn là Trần Thượng Xuyên đóng giữ Doanh Châu (Vĩnh Long) đem việc báo lên. Mùa đông, tháng 10 theo lệnh chúa Nguyễn, Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất, Cai bạ Phạm Cẩm Long làm Tham mưu, Lưu thủ Trấn Biên là Nguyễn Hữu Khánh làm Tiên phong, lãnh quân hai dinh Bình Khang, Trấn Biên và thuộc binh 7 thuyền dinh Quảng Nam, cùng với tướng sĩ Long Môn chuẩn bị chinh phạt Chân Lạp. Theo *Đại Nam liệt truyện tiền biên (ĐNLTTB)* [12] cho biết ông đã đem quân: “...bày trận ở Rạch Cá, đắp lũy Hoa Phong, sai người dò xem tình hình hư thực rồi chia đường tiến đánh, bức lũy Nam Vang và Bích Đồi”. Vậy địa danh Ngư Khê và lũy Hoa Phong ở đâu? Về địa danh Ngư Khê đọc theo âm Nôm là Rạch Cá, hiện chưa thấy tài liệu nào ghi nhận chính xác vị trí. Trịnh Hoài Đức viết trong *GĐTTC* lại cho Nguyễn Hữu Cảnh đóng quân ở Tân Châu: “Tháng 11, Chuồng cơ Lễ Thành hầu Nguyễn công và Tham mưu Cẩm Long hầu Phạm công điều động Lưu thủ dinh Trấn Biên là Nguyễn Hữu Khánh và biên binh 2 dinh Quảng Nam, Bình Khang cùng tướng sĩ Long Môn đến đóng ở Tân Châu để dò xem tình hình giặc hư thật thế nào, rồi tháng 3 năm Canh Thìn (1700) kéo quân thẳng đến lũy Nam Vang.” Cũng theo Trịnh Hoài Đức, Tân Châu xưa thuộc thành Gia Định, đặt ở giữa sông Doanh Châu (Tân Châu trước ở cù lao Giêng nay là thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang). Nhưng theo nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Hiền [7] lại cho là ở Ngư Khê và xác định ở tỉnh Vĩnh Long (Rạch Cái Cá) chứ không phải là ở Tân Châu. Chúng tôi đồng ý với Nguyễn Ngọc Hiền về địa danh Ngư Khê nhưng không tán thành việc xác định ở Vĩnh Long (Rạch Cái Cá theo *GĐTTC* tên chữ Hán là Ngư Câu chứ không phải là Ngư Khê). Muốn xác định vị trí của Ngư Khê theo ý chúng tôi trước hết cần phải xác định vị trí của lũy Hoa Phong, vì dựa vào vị trí này ta sẽ xác định được Ngư Khê ở đâu. Tuy *ĐNTL* [11] chỉ nói Nguyễn Hữu Cảnh đem

quân các đạo tiến vào nước Chân Lạp, đóng ở Ngư Khê mà không nhắc đến lũy Hoa Phong nhưng theo Trịnh Hoài Đức (*GĐTTC*) thì lũy Hoa Phong ở huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, dinh Phiên Trấn (nay là huyện Hóc Môn, TPHCM) giáp ranh với dinh Trấn Biên, lũy này do Lê Thành hầu đắp để phòng ngự Cao Miên. Theo *Đại Nam nhất thống chí (ĐNNTC)* [10] thì lũy Hoa Phong xưa gọi là lũy Lão Cầm ở địa phận hai huyện Bình Dương và Bình Long, vào năm Canh Thìn (1700): “*Thống suất Chương cơ Nguyễn Hữu Kính dẹp Cao Miên, Lão Cầm là đốc đồng nội thuộc xây đắp lũy này, nên gọi tên thế*”. Do đó, sự kiện Nguyễn Hữu Cảnh cho đắp lũy Hoa Phong (Lão Cầm) là chính xác. Theo sử liệu thì cuộc hành binh của Nguyễn Hữu Cảnh đã diễn biến theo thứ tự: bày binh tập trận ở Ngư Khê và đắp lũy Hoa Phong sau đó mới thăm dò tình hình cuộc chiến rồi mới tiến đánh Nam Vang. Nếu Ngư Khê ở tận Vĩnh Long thì không giải thích được nghịch lý: đang ở trận tiền, thông tin chiến thắng mấy trận liên tiếp của Trần Thượng Xuyên báo về [11, 12] Nguyễn Hữu Cảnh lại cho đắp lũy Hoa Phong mãi tận Phiên Trấn! Thế thì Ngư Khê phải là một vị trí gần lũy Hoa Phong và thời điểm đóng quân là cuối năm 1699.

Hiện nay ở Đồng Nai có 2 địa danh: Rạch Cá và rạch Bến Cá. Rạch



Vị trí rạch Bến Cá (Rạch Cá, Ngư Khê) và cù lao Tân Triều.

Cá ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai nhưng chưa thấy tài liệu xưa nào nhắc đến. Có lẽ vị trí này xưa còn hoang vu, người Man, Mọi và người Kinh còn sống thưa thớt. Vả lại nơi đây kinh rạch chằng chịt nên vị trí này không an toàn, không thuận tiện cho việc cả đoàn quân thuyền của Nguyễn Hữu Cảnh đóng quân tập trận. Còn rạch Bến Cá ở cù lao Tân Triều, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, vị trí này gần với lũy Hoa Phong ở huyện Bình Dương. Rất có thể Ngư Khê chính là chỗ này vì rạch Bến Cá, xưa gọi là Rạch Cá gắn liền với cù lao Tân Triều, Bến Cá nổi tiếng đã từng được sử sách ghi nhận. Địa danh Rạch Cá và chợ Bến Cá vào thế kỷ XIX chính là ở huyện lỵ của huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa. *GĐTTC* ghi chép về chợ Ngư Tân (chợ Bến Cá) như sau: “*Còn gọi là chợ Bình Thảo, ở tổng Phước Vinh, khách buôn*

đông đúc, cả đường thủy và đường bộ đều thông suốt tới bến, hàng nước ngoài, thổ sản địa phương, sơn hào, hải vị không gì là không có, là một chợ miền núi rất đông đúc” chứng tỏ vùng đất trù phú, yên ổn và rất an toàn này xưa có tầm quan trọng về chính trị, kinh tế. Sau này vào năm 1778, Giám mục Bá Đa Lộc vì lánh nạn Cao Miên - Tây Sơn đã chọn Tân Triều để thiết lập chủng viện và Nguyễn Ánh khi đóng quân tại Trấn Biên vẫn thường tới lui Tân Triều gặp gỡ Bá Đa Lộc để bàn bạc quốc sự [17]. Lương Văn Lựu trong *Biên Hòa sử lược toàn biên* [6] cũng ghi nhận: “*Chợ Bến Cá: Nguyên là chợ Ngư Tân, xưa ở thôn Bình Thảo, người buôn kẻ bán tụ tập. Đường thủy lục đều thông thương. Hải vị, sơn hào, nội hóa, ngoại hóa, không thiếu món gì. Đây là một đại thương hội ở miền núi, nay thuộc xã Bình Phước (...) chợ vẫn còn, nhưng ngọn rạch bao Ngô Châu (Tân Triều) bị đất phù sa lấp cạn*” (Hình 1).⁽⁴⁾

Dĩ nhiên trước đó vào năm 1698, trong thời gian kinh lược, Nguyễn Hữu Cảnh đã từng có mặt ở Đồng Nai, Vĩnh Cửu và đã biết cù lao Tân Triều có giá trị ra sao (Cù lao Phố tuy sầm uất, trù mật nhưng là địa phận của người Hoa, không tiện việc binh). Theo *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* [4] và *GĐTTC* thì ở giữa cù lao Tân Triều và cù lao Ngô Châu là một dòng sông nhỏ dưới đáy nhiều sỏi cát chỉ đủ cho thuyền độc mộc, ghe nhỏ qua lại, rạch này chảy ngược về chợ Bến Cá (Ngư Tân). Dựa vào ghi chép của *GĐTTC*: “... năm Giáp Tý (1744), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 4 vì có lũ lớn, bị xói lở chia làm 2, phía đông thành cù lao Ngô phía tây thành cù lao Tân Triều, ở giữa có một sông nhỏ vừa cạn vừa hẹp chia ranh giới”, có thể cho địa danh **Rạch Cá** (Ngư **Khê**) là một địa danh có trước năm 1744, lúc này chưa bị lũ lụt làm xói lở thành *sông nhỏ* (tiểu giang) mà chỉ là một khe suối, rạch nhỏ ở một cù lao khi chưa chia thành cù lao Tân Triều và Ngô Châu.

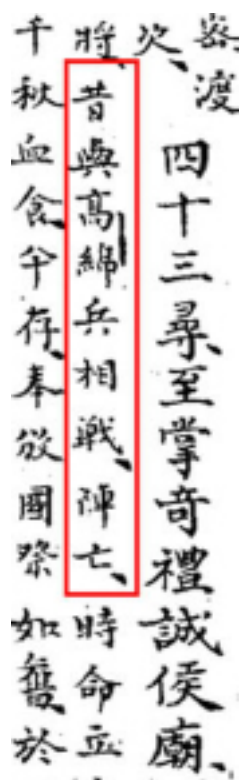
Từ Nha Trang (Bình Khương) theo đường biển, đoàn thuyền của Nguyễn Hữu Cảnh trước hết đến cửa biển Cần Giờ sau đó đến ngã ba Nhà Bè, từ đây đi ngược dòng sông Đồng Nai vào dinh Trấn Biên (thủy trình trọng yếu này, trước đó Trấn Thượng Xuyên đã đi vào Đồng Nai để khai phá cù lao Phố và sau quân Tây Sơn cũng theo thủy trình này vào Gia Định, Biên Hòa) rồi mới cho tập kết, bày binh bố trận (có thể hiểu là tập trận, trù định kế sách chiến lược) ở Rạch Cá (Ngư Khê) đồng thời hạ lệnh đắp lũy Hoa Phong để phòng ngự Trấn Biên. Vậy, địa điểm lý tưởng mà Nguyễn Hữu Cảnh cho quân binh của dinh Bình Khương, Quảng Nam cùng dinh Trấn Biên và quân Long Môn đóng quân và tập trận ở Rạch Cá nay thuộc xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu vào năm 1699 mới hợp tình hợp lý. Trong phần chú thích từ bản dịch *ĐNLTTCB* (phần viết về Nguyễn Hữu Cảnh), dịch giả Cao Tự Thanh cũng đã từng suy đoán “4. *Rạch Cá: nguyên văn là “Ngư Khê” đây tạm dịch ra âm Nôm, có lẽ là rạch Bến Cá, chỗ chợ Bến Cá tại thôn Bình Thảo ở huyện Phước Chánh thuộc Biên Hòa*” [13]. Nếu theo *GĐTTC* vào tháng 11 năm 1699 Nguyễn Hữu Cảnh đóng quân ở Tân Châu rồi cho dò xét tình hình chiến sự nhưng sự thật vào tháng 3 năm 1700 (các thư tịch đều nhất trí) Nguyễn Hữu Cảnh mới bắt đầu xuất binh đánh Nam Vang, vậy thì khoảng thời gian quá lâu (4 tháng) *chỉ để dò xét đối phương, án binh bất động* trong tình hình chiến sự căng thẳng, Chân Lạp đánh phá, cướp bóc ở biên giới là một chuyện không hợp lý về mặt binh pháp. Có thể giải thích hợp lý hơn: Nguyễn Hữu Cảnh vừa mới đến Trấn Biên, ông cho đóng quân (sau

một thủy trình dài cần phải cho quân binh nghỉ ngơi, dưỡng sức, bổ sung lương thảo...) tại Rạch Cá (Tân Triều) để trù hoạch chiến lược, bày binh tập trận và cần phải xây lũy Hoa Phong để phòng ngự Trấn Biên một cách chu đáo (nếu chiến sự diễn biến không tốt). Mọi việc xong xuôi, đoàn quân thuyền của ông mới có thể tiến đến đóng tại đồn Tân Châu (sát biên giới Cao Miên) như Trịnh Hoài Đức ghi chép, lúc này Nguyễn Hữu Cảnh mới sai người dò xem tình hình thực lực của quân Chân Lạp, sau khi nghe tin Trần Thượng Xuyên thắng trận, ông mới hạ lệnh xuất binh đánh thẳng vào Nam Vang vào năm 1700, ĐNLT tường thuật: *“Tháng 3, Thống binh Trần Thượng Xuyên cùng quân giặc đánh liên tiếp nhiều trận đều được. Khi quân ta đến lũy Bích Đôi và Nam Vang, Nặc Thu đem quân đón đánh. Nguyễn Hữu Kính mặc nhung phục đứng trên đầu thuyền, vung gươm vẫy cờ, đốc các quân đánh gấp, tiếng súng vang như sấm. Nặc Thu cả sợ, bỏ thành chạy. Nặc Yêm (con vua thứ hai Nặc Nộn) ra hàng, Hữu Kính vào thành, yên vỗ dân chúng. Mùa hè, tháng 4, Nặc Thu đến cửa quân đầu hàng, xin nộp cống. Nguyễn Hữu Kính báo tin thắng trận rồi lui quân đóng đồn ở Lao Đôi, kinh lý việc biên giới”* [11]. Nhân đây chúng tôi xin lưu ý: Các sách sử xưa nay đều tôn vinh một mình Lê Thành hầu có công trạng lớn, hiển hách trong trận đánh bình định Chân Lạp là có phần hơi cường điệu. Như đoạn trích dẫn trên (và cả ĐNLTTB phần viết về Trần Thượng Xuyên) đều cho biết Trần Thượng Xuyên đã thắng trận liên tiếp sau đó Nguyễn Hữu Cảnh mới đánh đồn quyết định và thắng trận dễ dàng, như vậy công lao của Trần Thượng Xuyên cũng rất quan trọng.

3. Nguyễn Hữu Cảnh chết vì bạo bệnh?

Về cái chết của Nguyễn Hữu Cảnh, nói chung các tài liệu như GĐTTC, ĐNLTTB, ĐNLT và các sử sách sau này dựa vào đều cho là sau khi thắng trận, Nguyễn Hữu Cảnh mất đột ngột vì bạo bệnh. Điển hình là ghi chép của ĐNLT như sau: *“Tháng 5, Thống suất chuồng cơ Nguyễn Hữu Kính chết. Đầu là Hữu Kính đóng quân ở Lao Đôi, gặp mưa to gió lớn, núi Lao Đôi lở tiếng kêu như sấm. Đêm ấy mộng thấy một người mặt đỏ mày trắng, tay cầm cái phủ việt bảo rằng: “Tướng quân nên kíp đem quân về, ở lâu đây không lợi”. Hữu Kính cười nói rằng: “Mệnh ở trời, có phải ở đất này đâu?”. Khi tỉnh dậy, thân thể mỗi mệt, nhưng vẫn cười nói như thường để giữ yên lòng quân. Kịp bệnh nặng, bèn than rằng: “Ta muốn hết sức báo đền ơn nước nhưng số trời có hạn, sức người làm được gì đâu?”. Bèn kéo quân về, đi đến Sầm Khê (Rạch Gầm, thuộc tỉnh Định Tường) thì chết, bấy giờ 51 tuổi”* [11].

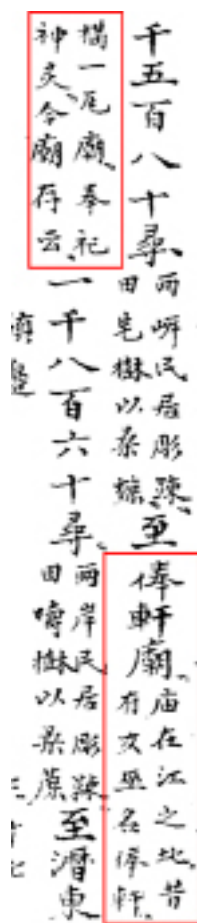
Nhưng trong dân gian lại lưu truyền về cái chết của Nguyễn Hữu Cảnh khác hẳn. Vương Hồng Sển trong *Tự vị tiếng nói miền Nam* ở mục từ “Cù Hu”, đã viết: *“Cù Hu, tên vùng đất thuộc làng Tân Thành, tỉnh An Giang, nay thuộc tỉnh Đồng Tháp. Nơi đây năm 1837 có xảy ra trận giao tranh dữ dội giữa binh nhà Nguyễn với binh Xiêm liên hiệp, trong trận ta thắng nhưng hai tướng tử trận, đó là Đốc binh Vàng, có tên ghi vào kinh Đốc Vàng, và Chương binh Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh”* [19]. Trong *Nói về miền Nam*, Sơn Nam cũng đã viết rằng: *“Nguyễn Hữu Cảnh đã mang bệnh vì khí hậu ở vùng đất xa lạ (và có lẽ vì mang thương tích nhưng các sử gia đã che giấu)”* [15]. Bỏ qua chi tiết sai lầm về niên đại và sự gắn kết Nguyễn Hữu Cảnh với Đốc Vàng,



Hình 2

các thông tin của Vương Hồng Sển và Sơn Nam chứng tỏ đã có một sự lưu truyền về cái chết của Nguyễn Hữu Cảnh là do *tử trận* chứ không phải là bị bạo bệnh như sử liệu đã ghi chép. Sự thật có phải như thế không? Chúng tôi đã tìm thấy trong sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* là bộ địa chí đầu tiên của triều Nguyễn do Binh Bộ Thượng thư Lê Quang Định (1759-1813) soạn xong và dâng lên vua Gia Long vào năm 1806 đã ghi nhận Nguyễn Hữu Cảnh *chết trận* (trận vong). Nguyên văn chữ Hán như sau: “*Tích dữ Cao Miên binh tương chiến, trận vong: Ngày trước từng giao chiến với Cao Miên rồi chết trận*” [4] (Hình 2). Hóa ra Nguyễn Hữu Cảnh không phải chết vì bạo bệnh mà chết tại trận tiền! Vậy sự thật có thể là Thống suất Lê Thành hầu dù thắng trận Cao Miên nhưng vì trước đó trong lúc giao chiến thân bị trọng thương hay đúng hơn là sau đó có khả năng bị tàn quân Chân Lạp phục kích vì theo ĐNTL cho biết: “*Nguyễn Hữu Kính báo tin thắng trận rồi lui quân đóng đồn ở Lao Đồi, kinh lý việc biên giới*” [11] và GĐTTC ghi chép chi tiết này: “*...nhưng vì việc ngoài biên chưa xong, bọn yêu nghiệt còn ẩn núp chốn núi rừng*” [16] nên chắc là ông đã bị trọng thương và sau đột ngột qua đời nhưng do công trạng to lớn và lòng dân kính mộ nên các sử gia triều Nguyễn đã nói thác là chết vì bệnh để yên lòng quân dân.

Nhân bàn về cái chết của Nguyễn Hữu Cảnh, chúng tôi xin kể thêm về một truyền thuyết có từ lâu đời liên quan đến Nguyễn Hữu Cảnh, viết theo lời kể của anh Đỗ Công Luận, dân gốc Chợ Đồn (cù lao Phố), thành phố Biên Hòa, năm nay 62 tuổi, truyền thuyết do chính thân phụ anh là ông Đỗ Văn Trầm (sinh năm 1917 xuất thân từ Trường Bá nghệ Biên Hòa, chuyên về gổm sứ) kể lại: “*Vào năm 1698, Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn vào Nam kinh lược vùng đất mới khai phá, lập ra dinh Trấn Biên. Khoảng năm 1700 ông thống lĩnh binh sĩ đi dẹp loạn Man Di ở vùng Phước Long, ở thượng nguồn Sông Bé. Trên một gò đất cao ở cù lao Phố, một ngày trời quang mây tạnh, ông làm lễ xuất quân. Bỗng có một bà đồng bóng, gọi là cô bóng Hiên lên đồng ngăn cản: “Đừng đi sẽ nguy hiểm đến tánh mạng”. Vì trung quân ái quốc, ông tuốt guơm chém cô bóng và ra lệnh tiến binh theo dòng Đồng Nai về hướng thượng nguồn. Đến nơi ông bị trúng tên độc của kẻ thù phải vong mạng. Thi hài ông được đưa về quàn tại gò đất nơi làm lễ xuất binh, trước khi được đưa về an táng ở quê hương Quảng Bình. Nơi gò đất cao đó, sau này dân làng lập ra đình Bình Kính để thờ tự ông cùng với ngôi mộ. Hướng bên kia sông gần Thanh Lương cổ tự, dân làng lập ra ngôi miếu thờ cô bóng Hiên.*” Dĩ nhiên, các truyền thuyết thường bị nạn “tam sao thất bản” do thời gian, ký ức phai mờ, sự lẫn lộn về địa danh như ở sự tích này là điều dễ hiểu. Nhưng điều chúng tôi muốn lưu ý chính là truyền thuyết này cũng phù hợp sự thật lịch sử: *Nguyễn Hữu Cảnh đúng là vị võ tướng bình Man, kinh lược Cao Miên, trước khi xuất binh ông đã từng có mặt ở vùng đất Trấn Biên, đúng là ông bị chết trận chứ không phải là bị bạo bệnh mà chết.* Đặc biệt sự tích này còn nói đến mối liên quan giữa Nguyễn Hữu Cảnh và



Hình 3

cô bóng Hiên. Tưởng chừng như hình ảnh một bà đồng bóng được gọi là cô bóng Hiên nhuộm màu huyền thoại do dân gian hư cấu thêm dệt nên nhưng không, nhân vật cô bóng Hiên là có thật trong lịch sử. Chúng tôi đã tìm thấy đoạn văn liên quan về bà ở trong sách *HVNTDĐC*, soạn giả Lê Quang Định là người gốc Bình Dương, Gia Định đã viết về ngôi miếu cổ ở vùng đất thuộc huyện Phước Chánh (huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai) xưa như sau: “*Bổng Hiên miếu, miếu tại giang chi bắc, tích hữu nữ vu danh Bổng Hiên cầu nhất ngỗ miếu, phụng tự thần linh. Kim miếu tồn vãn*” (Miếu Bổng Hiên, miếu ở bên bờ bắc, ngày xưa có bà đồng tên là Bổng Hiên lập ngôi miếu ngồi này để thờ thần linh, ngày nay vẫn còn” [4] (Hình 3). Soạn niên của sách này là năm 1806, cách nói “người xưa” thì ít nhất cách xa một đời người có tuổi thọ khoảng 70 hoặc có thể cách xa mấy đời nữa, ở khoảng thế kỷ 17 hay 18.

Chúng tôi đã đến tận bản quán của cô bóng Hiên ở xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai để tìm hiểu thêm về miếu Bổng Hiên, dân địa phương vẫn gọi là “miếu Bà Cô” vì sợ phạm húy và nay vẫn còn cả ngôi mộ của bà.⁽⁵⁾ Mộ hiện nay chỉ là mộ được trùng tu vào năm 1970 (dựa vào ngôi mộ xưa đã hư hại). Trên bia mộ thấy khắc chữ Hán: (hàng giữa): “*Bản xứ Thánh Nương tính Phạm chi mộ*, (hàng dọc phải): “*Sinh Giáp Tý niên (...?) nhị nguyệt thập ngũ nhật (...?)*, (hàng dọc trái): “*Thạnh Hòa áp hương chúc cập thiện nam tín nữ đồng lập (...?)*” (Hình 4) đại ý ghi mộ này là của bà Thánh Nương họ Phạm người bản xứ và bà sinh vào ngày 15 tháng 2 năm Giáp Tý (hiện ở miếu Bà Cô vẫn kỷ niệm lễ Vía Cô (ngày sinh nhật) vào ngày 15 tháng 2), do các hương chức và thiện nam tín nữ ấp Thạnh Hòa đồng lập mộ. Không thấy ghi năm qua đời (có lẽ bia mộ xưa bị hư phần ghi ngày tháng năm mất).



Hình 4

Qua thông tin của Lê Quang Định và mộ chí, bà Thánh Nương họ Phạm tên là Hiên. Theo can chi, Giáp Tý thuộc những năm 1624, 1684, 1744. Từ cứ liệu trên, có thể xác định thời đại của cô bóng Hiên vào khoảng thế kỷ 17, 18 ăn khớp với ghi chép của Lê Quang Định. Như vậy, có lẽ câu chuyện bí hiểm về số phận của Nguyễn Hữu Cảnh cũng như bà đồng cốt họ Phạm không đơn giản chỉ là một huyền thoại? Như trên chúng tôi đã chứng minh về địa điểm Nguyễn Hữu Cảnh đóng quân ở Rạch Cá, cù lao Tân Triều, nay là xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu thì vị trí này cách không xa so với vị trí miếu Bổng Hiên nay ở xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu và cũng rất có thể đã từng xảy ra cuộc diện kiến giữa Nguyễn Hữu Cảnh và bà bóng Hiên? Căn cứ vào năm sinh ghi trên bia mộ của bà bóng Hiên là năm Giáp Tý ta có thể đoán định đó là năm 1624 vì ở thời điểm năm 1699 (Nguyễn Hữu Cảnh đóng quân ở Rạch Cá) bà khoảng tuổi 75 (nếu là năm 1684 thì bà còn quá trẻ, mới 15 tuổi không thể trở thành bà đồng cốt nổi tiếng

được, nếu là năm 1744 bà không thuộc thời đại Nguyễn Hữu Cảnh [1650-1700]). Biết đâu chừng, trong bối cảnh thế kỷ 17 xưa kia, khi con người còn sống trong những niềm tin, thần tượng khác hẳn thời nay như Trịnh Hoài Đức đã từng ghi chép trong *GDĐTC* về tập tục, tín ngưỡng người dân Gia Định, Biên Hòa: “*Họ sùng đạo Phật, tin việc đồng bóng, kính trọng nữ thần, như: bà Chúa Ngọc, bà Chúa Động (tục gọi phụ nữ sang trọng bằng bà), bà Hỏa Tinh, bà Thủy Long, cô Hồng, cô Hạnh v.v...*” [16] và ngay cả sử liệu triều Nguyễn như *ĐNTL* (hay trong *ĐNLTTB* và *GDĐTC*) cũng còn phải ghi chép đường hoàng khi nói về vị thần báo mộng cho Nguyễn Hữu Cảnh “*một người mặt đỏ mày trắng, tay cầm cái phũ viết bảo rằng: Tướng quân nên kíp đem quân về, ở lâu đây không lợi*”. Phải chăng đây là một phiên bản khác từ giai thoại cô bóng Hiên lên đồng ngăn cản Nguyễn Hữu Cảnh: “*Đừng đi sẽ nguy hiểm đến tánh mạng*”? Hiện nay tín ngưỡng đồng cốt, đồng bóng đã được đánh giá lại. Trong nghi thức đồng bóng có châu văn còn được gọi là hát văn hay hát bóng. Đây vốn là một loại hình nghệ thuật cổ truyền của Việt Nam. Nghi lễ châu văn của người Việt đã được đưa vào danh mục di sản để nghiên cứu lập hồ sơ trình UNESCO công nhận là Di sản văn hóa Thế giới.⁽⁶⁾

Dĩ nhiên, chúng tôi không hề khẳng định truyền thuyết trên là sự thật lịch sử nhưng dù sao trong đó phần nào cũng phù hợp với sử liệu: bà bóng Hiên và Nguyễn Hữu Cảnh là người cùng thời đại. Từng có lời tiên đoán hung gở về số phận của Nguyễn Hữu Cảnh và sau ông đã chết.

N V T

CHÚ THÍCH

- (1) *Manuel des écoles primaires ou simples notions sur les sciences: à l'usage des jeunes élèves des écoles de l'administration de la basse-cochinchine* (Volume 1), Trương Vĩnh Ký, Saigon, 1876. Nguồn: <http://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k54603724>
- (2) Xem thêm: 1. Nguyễn Hữu Cảnh, nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_H%E1%BB%AFu_C%E1%BA%A3nh. 2. Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700) - Lê Thành hầu, Tổng binh thời Nguyễn. Nguồn: <http://nguoiquangbinh.net/forum/diendan/showthread.php?t=16012>
- (3) Nguyễn Hữu Hiệp, *Chú giải về Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, nhân vật lịch sử có nhiều ngộ nhận đáng tiếc*. Nguồn: <http://namkyluctinh.org/a-lichsu/nhhiiep-nguyenhuucanh.htm>
- (4) Sơ đồ do Hs Nguyễn Minh thực hiện.
- (5) Lương Văn Lựu trong *Biên Hòa sử lược* cũng đã từng ghi chép về miếu Bà Cô và ngôi mộ cổ của bà nhưng soạn giả lại kể một truyền thuyết bi thảm khác về võ tướng bình Man Lê Văn Lễ thời Tự Đức liên quan đến bà đồng cốt Phạm Thị Hiên (Cô bóng Hiên). Câu chuyện xoay quanh việc bà Hiên lên đồng thỉnh cốt tiên đoán số phận của Lê Văn Lễ rằng: “Tiền thắng hậu hung”, quả nhiên sau ông thắng trận nên đã hạ lệnh cho người đến miếu Bà Cô để chém đầu cô bóng Hiên nhưng ông lại bị sa bẫy và ông mới hối hận liền cho lệnh hủy án trăm nhưng không kịp, cô Hiên đã bị chém chết. Quá đau lòng và cũng vì cùng đường ông bèn rút kiếm tự vẫn. Về nhân vật Lê Văn Lễ thời Tự Đức chúng tôi không tìm ra nhưng vào thời Minh Mạng thì có Án sát Biên Hòa là Lê Văn Lễ đã từng tham chiến đánh loạn quân Lê Văn Khôi. Lê Văn Lễ thua trận bỏ thành, bị giáng chức, sau có công lại được phục chức. Ông chết vì bệnh. Có lẽ truyền thuyết này bị lẫn lộn với nhân vật tên là LỄ, thay vì là LỄ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, người mang tên là Nguyễn Phúc (Hữu) LỄ là một danh tướng bình Man, kinh lược Cao Miên như truyền thuyết do Đỗ Văn Trầm kể lại (đã dẫn trong bài) nhưng có thể dân gian đã nhớ lầm là Lê Văn LỄ. Thời cô bóng Hiên thuộc thời đại của Nguyễn Hữu Cảnh (Lê Quang Định đã ghi chép về miếu Bóng Hiên vào năm 1806 trong *HVNTĐC*) nên chắc chắn Lê Văn Lễ thời Minh Mạng không liên quan đến bóng Hiên.
- (6) *Nghệ thuật hát văn và nghi lễ châu văn của Việt Nam*, nguồn: <http://www.cinet.gov.vn/userfiles/file/2012/chau2/index.html>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Văn Ninh. *Từ điển chức quan Việt Nam*, Nxb Thanh niên, 2002.
2. Huỳnh Minh. *Gia Định xưa* (tái bản có chỉnh lý bổ sung), Nxb Văn hóa Thông tin, 2006.
3. Huỳnh Tịnh Paulus Của. *Đại Nam quốc âm tự vị*, Tom I-II, Sài Gòn, 1895-1896, Nxb Trẻ, tái bản, 1998.
4. Lê Quang Định. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Phan Đăng (dịch chú), Nxb Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2002. (Nguyên bản chữ Hán in kèm theo phần phụ lục của sách).
5. Lê Sơn-Nguyễn Hữu Quý (Sưu tầm, chú thích). *Nguyễn Hữu tộc gia phả - Thạch Hà, Thủy Châu, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2003.
6. Lương Văn Lưu. *Biên Hòa sử lược toàn biên*, tập 1,2, Tác giả xuất bản (1972-1973).
7. Như Hiền Nguyễn Ngọc Hiền. *Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh với công cuộc khai sáng miền Nam nước Việt cuối thế kỷ thứ XVII*, Nxb Văn học, 1997.
8. Phan Khoang. *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb Khai trí, 1970.
9. Phạm Văn Sơn. *Việt sử toàn thư*, Sài Gòn, 1960.
10. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1992.
11. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục, 2001.
12. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện* (tập 1), Đỗ Mộng Khương dịch, Hoa Bằng hiệu đính, Nxb Thuận Hóa (tái bản lần 2), Huế, 2006.
13. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, Cao Tự Thanh dịch chú, Nxb Khoa học Xã hội, 1995.
14. Sơn Nam. *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb Trẻ, 2009.
15. Sơn Nam. *Nói về miền Nam, cá tính miền Nam, thuần phong mỹ tục Việt Nam*, Nxb Trẻ, 2007.
16. Trịnh Hoài Đức. *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Huỳnh Văn Tới hiệu đính, giới thiệu, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2008.
17. Trương Bá Cần. *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam*, Tập 1: Thời kỳ khai phá và hình thành (từ khởi thủy cho tới cuối thế kỷ XVIII), Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2008.
18. Vũ Văn Kính. *Đại tự điển chữ Nôm*, Nxb Văn nghệ, 1999.
19. Vương Hồng Sển. *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, 1999.

TÓM TẮT

Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700) là một vị danh tướng dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, ông là người có công khai phá, mở mang bờ cõi đất nước về phương nam. Công lao của ông được sử sách triều Nguyễn ghi nhận, được nhân dân tôn kính và thờ phụng nhiều nơi. Tuy nhiên, các tài liệu viết về thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Hữu Cảnh hiện vẫn còn một số chi tiết khúc mắc cần được giải quyết thấu đáo. Bài viết nhằm góp phần làm sáng tỏ một số chi tiết liên quan đến cuộc đời của Nguyễn Hữu Cảnh: Về tên thật của Nguyễn Hữu Cảnh; Xác định các địa danh Ngư Khê (Rạch Cá) và lũy Hòa Phong trong cuộc chiến bình Chân Lạp vào năm 1699-1700; Tìm hiểu về cái chết của Nguyễn Hữu Cảnh là do bạo bệnh hay chết tại trận tiền, cùng một vài truyền thuyết liên quan đến cái chết của ông.

ABSTRACT

A CONTRIBUTION TO LEARNING ABOUT LÊ THÀNH HẦU NGUYỄN HỮU CẢNH

Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700), a famous general under the reign of Lord Nguyễn Phúc Chu, had the merit of expanding the country to the south. His merit was recognized by the Nguyễn Dynasty; and he was respected and worshipped in many places. However, documents about his life and career still contain some ambiguous details, which need to be resolved thoroughly. This paper attempts to clarify some details concerning the life of Nguyễn Hữu Cảnh, such as finding out about his real name, identifying the sites of Ngư Khê (Fish creek) and Hòa Phong Rampart during the war against the Kingdom of Chenla (1699-1700), finding out about the reason why he died, of serious illness or in the battle, together with some legends related to his death.